TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/10/2018.
"V/v ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN – TỈNH HẢI DƯƠNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hà Xuân Trường
- Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Duy Tỏi và ông Nguyễn Ngọc Nghiêm.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị May – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 113/2018/TLST-HNGĐ ngày 08/6/2018 về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: chị **Trần Thị N**, sinh năm 1987. ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương – Có mặt tại phiên toà.

Bị đơn: anh **Vũ Đức T**, sinh năm 1982. Nơi sinh: xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên – ĐKHKTT: Thôn T, xã T, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở: Không rõ địa chỉ – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà chị Trần Thị Noen trình bày*:** Chị và anh Vũ Đức T có đăng ký kết hôn vào ngày 09/9/2008 tại UBND xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn chị và anh T đi làm ăn kinh tế tại Hàn Quốc, khi có thai chị về nước trước, anh T hết hạn hợp đồng về sau, vợ chồng mua đất làm nhà ở tại thôn T, xã T, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra kể từ khi anh T còn làm bên Hàn Quốc, khi anh T về nước cũng không có tình cảm, tuy chung sống một nhà nhưng không quan tâm chia sẻ với nhau, việc ai người đó làm. Đến đầu năm 2018 anh T tiếp tục đi làm ăn ở tỉnh Đồng Nai ít về thăm nhà, mỗi khi anh T về, vợ chồng gặp nhau cũng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặc dù được gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa, nay chị xác

định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là Vũ Trường G, sinh ngày 04/6/2012 hiện nay chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh T đi làm ăn xa, do vậy chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung và việc vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, anh Vũ Đức T trình bày: Anh và chị N có đăng ký kết hôn vào ngày 09/9/2008 tại UBND xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên, sau khi kết hôn vợ chồng sang làm ăn kinh tế tại Hàn Quốc, sau đó chị N về Việt Nam sinh con, sau khi hết hợp đồng anh cũng về Việt Nam và sinh sống tại quê vợ thôn T, xã T. Trong cuộc sống hai bên luôn xảy ra bất đồng quan điểm, vợ chồng không có lòng tin vào nhau, luôn phải sống trong tình trạng căng thẳng, do vậy anh đã đi làm ăn xa tại tỉnh Đồng Nai, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay, mỗi người một nơi. Do không có hạnh phúc gia đình, tình cảm không còn, chị N xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Vì công việc anh phải đi làm ăn xa không có thời gian tham gia tố tụng tại Tòa án, do vậy đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Về con chung: vợ chồng anh có một con chung là Vũ Trường G, sinh ngày 04/6/2012 hiện nay chị đang trực tiếp nuôi dưỡng, chị N xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung anh hoàn toàn nhất trí.

Về tài sản chung và vay nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. *Về quan hệ vợ chồng*: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Vũ Đức T. *Về con chung*: Giao con chung là Vũ Trường G, sinh ngày 04/6/2012 cho chị Trần Thị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Vũ Đức T có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án gửi các văn bản tố tụng về địa chỉ của bố đẻ anh là ông Vũ Đức T, địa chỉ tại thôn H, xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo qui định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Trần Thị N và Anh Vũ Đức T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên vào ngày 09/9/2018, đây là hôn nhân hợp pháp. Lời khai của chị N tại phiên tòa trình bày về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp lời khai của anh Vũ Đức T và kết quả xác minh của Tòa án; có căn cứ xác định chị Trần Thị N và anh Vũ Đức T đã xảy ra bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau, hai bên sống ly thân đã lâu, quan điểm của anh T cũng nhất trí ly hôn với chị N. Xét thấy mâu thuẫn giữa hai bên xảy ra trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Vũ Đức T là phù hợp với qui định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Anh T và chị N xác định có một con chung là Vũ Trường G, sinh ngày 04/6/2012, hiện nay chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy anh Vũ Đức T hiện nay phải đi làm ăn kinh tế xa nhà không có điều kiện nuôi con chung, lời khai anh T cũng nhất trí việc giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy, HĐXX giao con chung cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp, chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung, về nợ và công sức đóng góp với gia đình hai bên:* Chị Trần Thị N và anh Vũ Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Vũ Đức T.

2. Về con chung: Giao con chung là Vũ Trường G, sinh ngày 04/6/2012 cho chị Trần Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AB/2014/0004184 ngày 08/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Vũ Đức T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Thanh Miện;*
- *Chi cục THA dân sự huyện Thanh Miện;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã N.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Hà Xuân Trường